

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 01-02-2018

Về việc: “*Tranh chấp liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Xuân Miện

Ông Đặng Song Hoàn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà- Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã mở phiên tòa công khai giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/VDSST ngày 08/01/2018 để giải quyết việc: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Cụ Lê TT, sinh năm 1924;

Địa chỉ: số ... đường B, phường B, thành phố V, tỉnh B (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương QP, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: số ... đường B, phường B, thành phố V, tỉnh B (Có mặt)

2. Bị đơn: Văn phòng Công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa chỉ: số ... đường T, phường T, thành phố V, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Huy Q – Trưởng Văn phòng Công chứng TN (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn TH, sinh năm: 1972 (Có mặt);

3.2. Anh Trương QT, sinh năm: 1996 (Có mặt);

3.3. Cháu Trương NM, sinh ngày 23/4/2001 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: số ... đường B, phường B, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo “Đơn yêu cầu” đề ngày 05 tháng 01 năm 2018 và quá trình tố tụng phía nguyên đơn cụ Lê TT và ông Trương QP- người đại diện theo ủy quyền của cụ T trình bày:

Ngày 26/4/2017 ông Trương QD lập “Di chúc” có xác nhận của Phòng Công chứng số K, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nội dung để lại $\frac{1}{2}$ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số K tờ bản đồ số M tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 720103151 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 18/5/2001) cho những người thừa kế di sản là cụ Lê TT (Mẹ ruột); các con của ông D là Trương QT; Trương NM. Ngày 31/5/2017 ông D mất. Ngày 17/12/2017 gia đình mở di chúc của ông D và có lập văn bản về việc mở di chúc.

Tuy nhiên, trước khi mở di chúc thì ngày 17/11/2017 cụ T, anh T, cháu M đã ký vào “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nội dung cụ T, anh T, cháu M đồng ý tặng cho bà Nguyễn Thu Hòa là vợ ông Trương QD toàn bộ phần di sản thừa kế mà Trương QD để lại không kèm theo điều kiện gì. Như vậy, bà Nguyễn TH được hưởng toàn bộ di sản do chồng để lại.

Nội dung của “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/11/2017 không thể hiện đúng ý chí của cụ T vì cụ T không xem kỹ nội dung vì bà H nói ký văn bản thỏa thuận để bà H làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm của ông D vì trong “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có thỏa thuận về việc cho bà H được hưởng toàn bộ di sản của ông Trương QD để lại là quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (và số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010).

Do đó, cụ T yêu cầu Tòa án tuyên hủy “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Phòng công chứng TN ngày 17/11/2017 vì cụ T đã bị lừa dối khi ký vào nội dung văn bản này.

Theo nội dung Văn bản số 10/VPCCTN ngày 19 tháng 01 năm 2018 của bị đơn- Văn phòng công chứng TN thể hiện: Trong quá trình thực hiện việc chứng nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản, Công chứng viên đã làm đúng trình tự, thủ tục công chứng theo quy định tại các Điều 41; 44; 48; 57 Luật Công chứng năm 2014; Điều 18 Nghị định 29/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện việc công chứng, Công chứng viên đã kiểm tra về nguồn gốc di sản thừa kế, các đồng thừa kế đều thống nhất yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Văn phòng công chứng cũng đã làm đúng thủ tục thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản và không nhận được bất kỳ thắc mắc, khiếu nại hay tố cáo liên quan đến nội dung thông báo. Tại thời điểm công chứng, cụ Lê TT có sức khỏe tinh thần minh mẫn, sáng suốt, cụ T và các đồng thừa kế đã đồng ý tự nguyện ký tên vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản.

Văn phòng công chứng TN luôn thiện chí, tạo điều kiện để các đồng thừa kế sửa đổi, bổ sung văn bản thỏa thuận theo đúng ý chí và nguyện vọng của mình. Tuy nhiên, do Công chứng viên đã thực hiện việc chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với việc cụ Lê TT yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản có số công chứng 5516 quyển số K1 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lập ngày 17/11/2017 vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *Anh Trương QT trình bày:* Ngày 17/11/2017, mẹ anh là bà Nguyễn TH nói cần bà nội anh là cụ T, anh và em gái ruột anh là Trương NM ký văn bản công chứng để mẹ anh được nhận tiền bảo hiểm của bố anh là ông Trương QD. Do đó, anh đã cùng mẹ và em My tới nhà cô ruột anh là Trương Thị H tại địa chỉ A đường N, phường C, thành phố Vũng Tàu để ký các giấy tờ. Do tin tưởng mẹ nên anh chỉ đọc lướt qua văn bản và có dùng điện thoại chụp ảnh các văn bản đã ký. Sau đó khoảng 1 tháng, anh kiểm tra lại nội dung văn bản trong điện thoại thì mới biết anh, bà nội (cụ T), em My đã ký văn bản từ chối hưởng di sản là ½ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là di sản mà bố anh để lại. Vì nội dung “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/11/2017 do Văn phòng công chứng TN chứng nhận không thể hiện đúng ý chí của anh nên anh đồng ý với ý kiến của bà nội (cụ T) về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng này vô hiệu.

2. *Cháu Trương NM trình bày:* Yêu cầu Tòa án tuyên bố “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/11/2017 vô hiệu vì tại thời điểm ký văn bản cháu chưa hiểu hết nội dung văn bản.

3. *Bà Nguyễn TH trình bày:* Tại thời điểm ký “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/11/2017 do gia đình chưa có sự bàn bạc thống nhất phân chia di sản nên dẫn tới tình cảm gia đình hiện tại bị ảnh hưởng xấu. Bà đồng ý với yêu cầu của mẹ chồng (cụ T) về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 17/11/2017 vô hiệu do nhầm lẫn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Lê TT – ông Trương QP phát biểu ý kiến:

Sau khi biết về nội dung “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/11/2017, gia đình đã yêu cầu bà H cùng cháu Trí, cháu M, cụ T tới Văn phòng công chứng TN để hủy nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản trên. Tại thời điểm đó, bà H đề nghị hủy phần thỏa thuận liên quan đến việc phân chia ½ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 720103151 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 18/5/2001). Đối với phần thỏa thuận liên quan đến số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010 bà H đề nghị được giữ nguyên. Vì tại thời điểm đó gia đình ông quá bức xúc với bà H nên đã không đồng ý với ý kiến này của bà H. Tại phiên tòa hôm nay, ông đại diện cho cụ T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố vô hiệu 1 phần “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 17/11/2017 là phần thỏa thuận liên quan đến việc phân chia ½ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đối với phần thỏa thuận liên quan đến số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010 cụ T không yêu cầu hủy vì đồng ý để số tiền đó cho bà H sử dụng để trang trải sinh hoạt cho cháu Trí, cháu M.

Ông cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến địa điểm lập “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” vì đã ghi địa điểm công chứng tại địa chỉ số 1 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu là không đúng, trên địa bàn thành phố Vũng Tàu không tồn tại địa chỉ này. Hơn nữa cụ T đã rất già, yếu bị gãy xương đùi nên 02 năm nay ít khi đi ra khỏi nhà nên khi công chứng văn bản đã không có mặt tại Văn phòng công chứng.

Ý kiến của anh Trương QT; cháu Trương NM: Khi dẫn anh T và cháu M đi ký “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”, bà H chỉ nói đi ký văn bản để cho bà H được hưởng tiền bảo hiểm của ông D. Tại thời điểm ký văn bản, có sự chứng kiến của Công chứng viên nhưng Công chứng viên không giải thích nội dung văn bản cho mọi người nghe, anh T, cháu M cũng tin tưởng mẹ nên không kiểm tra kỹ nội dung văn bản thỏa thuận vì cho rằng ký văn bản để mẹ được hưởng tiền bảo hiểm của bố. Nay anh T, cháu M đồng ý với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của cụ T thừa nhận phần thỏa thuận liên quan đến số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010 là hợp pháp. Anh T, cháu M đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố phần thỏa thuận liên quan đến việc phân chia 1/2 tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số K0 tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vô hiệu.

Ý kiến của bà H: Bà đồng ý với ý kiến của ông P, anh T, cháu M đã trình bày. Do tại thời điểm đề nghị Văn phòng công chứng TN chứng nhận “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” bà nghĩ rằng các con còn nhỏ, việc bà đứng tên trên giấy tờ nhà đất sẽ quản lý tài sản cho các con tốt hơn. Hơn nữa, do trước đó cụ T cũng sống chung cùng bà và đã từng nói sẽ để lại tài sản được hưởng từ ông D cho lại các cháu là Trí và My. Do đó, bà chưa trao đổi rõ ràng với cụ T và 02 con Trí, My mà đã vội vàng đề nghị Công chứng viên chứng nhận “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/11/2017 với nội dung bà được hưởng toàn bộ di sản của ông D để lại. Sau khi ký thỏa thuận này phía gia đình nhà chồng và các con đã có sự hiểu lầm bà khiến gia đình bất hòa nên bà đồng ý với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của cụ T, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố phần thỏa thuận liên quan đến việc phân chia 1/2 tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối. Đối với phần thỏa thuận liên quan đến số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010 là hợp pháp, bà đã sử dụng số tiền bảo hiểm để trang trải sinh hoạt cho các con nên không đồng ý hủy phần thỏa thuận này.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của cụ Lê TT là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và địa vị tố tụng của đương sự: Cụ Lê TT có “Đơn yêu cầu” Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Căn cứ quy định tại các Điều 27; 361; 362; 363; 398 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành thụ lý hồ sơ việc dân sự sơ thẩm về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” với người yêu cầu là Lê TT; người bị yêu cầu là Văn phòng Công chứng TN.

Trong quá trình giải quyết vụ án do Văn phòng Công chứng TN xác định đã làm đúng quy định pháp luật về việc công chứng hồ sơ nên không đồng ý với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của cụ T, vì vậy đã xảy ra tranh chấp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của cụ Lê TT là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” và là tranh chấp dân sự với nguyên đơn là Lê TT; bị đơn là Văn phòng công chứng TN.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng TN có Đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt Văn phòng công chứng TN theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung:

“Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Phòng công chứng TN ngày 17/11/2017 liên quan đến thỏa thuận phân chia 02 di sản của ông D để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và thỏa thuận về số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010.

Tại phiên tòa, ông P, anh T, cháu M thừa nhận về việc gia đình đã đồng ý cho bà Nguyễn TH được hưởng số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm số 090003450862008UL-A1 giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ A ngày 22/3/2010, Văn phòng công chứng TN đã công chứng việc thỏa thuận đúng ý chí, nguyện vọng của họ nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến nội dung thỏa thuận này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đến nội dung thỏa thuận này.

Xét về tính hợp pháp của “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Phòng công chứng TN đề ngày 17/11/2017 đối với thỏa thuận để cho bà Nguyễn TH quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng là $\frac{1}{2}$ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 720103151 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 18/5/2001) thì thấy:

[2.1]. Xét về thẩm quyền công chứng: Điều 42 Luật Công chứng quy định Công chứng viên chỉ được công chứng hợp đồng giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở. Vì vậy, Công chứng viên của Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có đủ thẩm quyền để chứng nhận “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” liên quan đến việc thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số 10 tại địa K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu .

[2.2]. *Xét về địa điểm công chứng*: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định Công chứng viên đã đến chỗ cụ T ở tại địa chỉ A đường N, phường C, thành phố Vũng Tàu để chứng nhận văn bản. Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Công chứng thì việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu không thể đi lại được. Tại thời điểm công chứng, cụ T đã hơn 94 tuổi, đi lại rất khó khăn nên việc Công chứng viên chứng nhận hồ sơ tại nhà là đúng quy định. Việc ghi sai tên đường “N” thành đường “M” trong văn bản công chứng chỉ là sai sót nhỏ, không phải là căn cứ để hủy văn bản công chứng.

[2.3]. *Xét về trình tự, thủ tục, hình thức của văn bản công chứng*: Hồ sơ về việc thực hiện chứng nhận “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” đã đáp ứng các giấy tờ, thủ tục quy định tại các Điều 40; Điều 41 Luật Công chứng; Điều 18 Nghị định 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015.

[2.4]. *Xét về lời chứng của công chứng viên*: Lời chứng của Công chứng viên trong “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Phòng công chứng TN đề ngày 17/11/2017 đúng quy định của khoản 1 Điều 46 Luật Công chứng.

[2.5]. *Xét về sự tự nguyện của chủ thể tham gia giao dịch thì thấy*:

Khi ký văn bản thỏa thuận, cụ T, anh T, cháu M đã tin rằng chỉ ký thỏa thuận về việc cho bà H được hưởng tiền bảo hiểm mà không biết đến nội dung thỏa thuận tặng cho bà H phần di sản là $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu, sử dụng tài sản trong tài sản chung của ông D để lại; người được thụ hưởng tài sản là bà Nguyễn TH cũng đồng ý về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố phần nội dung thỏa thuận này vô hiệu vì xác định cụ T, anh T, cháu M chưa đọc kỹ, chưa hiểu rõ khi ký kết văn bản trên. Căn cứ quy định tại Điều 117; Điều 122; Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015 Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T về việc tuyên bố phần thỏa thuận để cho bà Nguyễn TH quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng là $\frac{1}{2}$ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có chứng nhận của Văn phòng công chứng TN ngày 17/11/2017 vô hiệu do bị lừa dối.

Án phí dân sự không có giá ngạch: Cụ Lê TT tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 122; Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê TT:

Tuyên bố “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” có xác nhận của Văn phòng Công chứng TN, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 17/11/2017 vô hiệu 1 phần là thỏa thuận liên quan đến $\frac{1}{2}$ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông D là quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 523A tờ bản đồ số 10 tại địa chỉ K, B, phường B3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 720103151 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 18/5/2001) .

[2]. Án phí: Cụ Lê TT tự nguyện nộp 300.000đ án phí được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000242 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm